

Tăng tỷ trọng

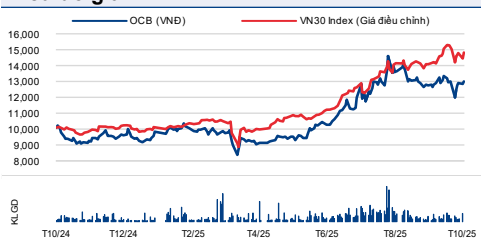
Giá mục tiêu: VNĐ14,600

Tiềm năng tăng/giảm: 12.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/10/2025)	13,000
Mã Bloomberg	OCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	8,378-14,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	12,917
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	34,620
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,315
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,663
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	586
Slg CP NN được mua (tr.đv)	56.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.9%
Tỷ lệ freefloat	48.0%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Aozora (15.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	281	329	381
Dư nợ cho vay (ntđ)	176	208	247
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	10.1	10.9	13.4
Lợi nhuận thuần (ntđ)	3.17	3.36	4.27
BVPS (đồng)	11,893	12,483	13,786
EPS (đồng)	1,192	1,262	1,604
DPS (đồng)	0	648	300
T.trưởng cho vay KH (%)	19.1	18.4	18.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	12.7	8.12	22.8
Tăng trưởng EPS (%)	(3.91)	5.86	27.1
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	(53.7)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	51.4	18.7
ROAE (%)	10.5	10.4	12.2
ROAA (%)	1.22	1.10	1.20
Tỷ lệ NIM (%)	3.45	3.07	3.21
Tỷ lệ CIR (%)	37.8	38.5	37.1
Hệ số CAR (%)	12.3	11.0	10.9
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4.16	3.60	3.30
LLR/nợ xấu (%)	35.3	37.1	38.8
Hệ số LDR (%)	123	119	116
P/B (lần)	1.09	1.04	0.94
P/E (lần)	10.9	10.3	8.11
Lợi suất cổ tức (%)	0	4.99	2.31

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

OCB là một NH quy mô vừa phải tập trung vào phân khúc SME và bán lẻ. Chiến lược phát triển thận trọng giúp ngân hàng duy trì tỷ lệ CAR cao và ROE tầm trung.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên , Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 tăng 3,5 lần, vượt dự báo nhờ chi phí dự phòng giảm xuống

- LNTT Q3 tăng 3,5 lần đạt 1,5 nghìn tỷ đồng nhờ mức nền thấp cùng kỳ và chi phí dự phòng giảm mạnh. Tín dụng tăng trưởng 12,5% kể từ đầu năm, thấp hơn bình quân ngành. Một số điểm nhấn tích cực gồm thu nhập từ thu hồi nợ xấu tăng tốc và tỷ lệ NIM cải thiện 17 điểm cơ bản so với quý trước sau kết quả yếu hơn bình quân ngành trong quý 2.
- Chất lượng tài sản vẫn là vấn đề chính, trong đó tỷ lệ nợ xấu cao ở mức 4,2% và OCB không sử dụng dự phòng để xử lý nợ xấu trong quý này.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu là 14.600đ.

Sự kiện: LNTT Q3 tăng mạnh 3,5 lần do mức nền thấp cùng kỳ và chi phí dự phòng giảm xuống

OCB đã ghi nhận LNTT Q3 tăng mạnh 3,5 lần so với cùng kỳ đạt 1,5 nghìn tỷ đồng nhờ mức nền thấp cùng kỳ và chi phí dự phòng giảm mạnh. Kết quả này vượt dự báo của chúng tôi nhờ doanh thu tăng trưởng vượt kỳ vọng (tăng 28% so với cùng kỳ), tỷ lệ NIM & thu nhập từ thu hồi nợ xấu cao hơn giả định, cùng với chi phí dự phòng thấp hơn dự báo (giảm 65% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, chất lượng tài sản vẫn là một vấn đề đáng lo ngại với tỷ lệ nợ xấu vẫn ở mức cao. Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm 2025, LNTT tăng 34% so với cùng kỳ đạt 3,4 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 81% dự báo cả năm của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng 12,5% kể từ đầu năm, sát với dự báo

Tín dụng tăng trưởng 12,5% so với đầu năm (tăng 4% so với quý trước), thấp hơn một chút so với tăng trưởng tín dụng của hệ thống (13,4%) tính đến cuối tháng 9. Phân khúc khách hàng doanh nghiệp khả năng tiếp tục là động lực tăng trưởng chính.

Đối với huy động, tổng tiền gửi tăng 9% so với đầu năm (tăng 0,8% so với quý trước), trong khi giấy tờ có giá tăng mạnh hơn. Theo đó, tổng vốn huy động (tiền gửi + giấy tờ có giá) tăng 1,4% so với quý trước và 14,7% so với đầu năm. Nhờ đó, hệ số LDR điều chỉnh tăng lên 95% từ 93% trong Q2/2025 và 97% trong Q4/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, OCB

LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 81% dự báo cả năm và vượt kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu nhờ chi phí dự phòng thấp hơn so với dự kiến

	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	2,065	2,424	17%	5,952	6,767	14%	75%
Thu nhập ngoài lãi	227	507	123%	899	1,079	20%	57%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	199	185	-7%	468	613	31%	55%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	66	66	1%	289	178	-38%	57%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	-33	-5		-122	-206		180%
Thu nhập khác	-4	260		264	494	87%	87%
Tổng thu nhập HĐ	2,292	2,931	28%	6,851	7,846	15%	72%
Chi phí HĐ	-919	-1,069	16%	-2,742	-3,080	12%	73%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	1,373	1,862	36%	4,109	4,766	16%	71%
Chi phí dự phòng	-933	-324	-65%	-1,556	-1,335	-14%	54%
LNTT	440	1,538	249%	2,553	3,431	34%	81%
Lợi nhuận thuần	347	1,228	254%	2,018	2,733	35%	81%

Nguồn: OCB, HSC

Tỷ lệ NIM hồi phục 17 điểm cơ bản so với quý trước, cao hơn dự báo

Tỷ lệ NIM Q3 đạt 3,19%, tăng 17 điểm cơ bản so với quý trước (nhưng giảm 22 điểm cơ bản so với cùng kỳ) do lợi suất gộp tăng mạnh hơn chi phí huy động (tăng 30 điểm cơ bản so với tăng 11 điểm cơ bản so với quý trước). HSC cho rằng lợi suất và tỷ lệ NIM phục hồi có thể nhờ đóng góp từ thu nhập lãi của các khoản vay quá hạn và nợ xấu ngoại bảng. Lý do là Ngân hàng đã ghi nhận kết quả thu hồi nợ xấu tích cực trong giai đoạn từ Q4/2024 đến nửa đầu năm 2025 và khả năng xu hướng này đã tiếp diễn trong Q3/2025.

Chất lượng tài sản vẫn là vấn đề chính

Tỷ lệ nợ xấu (nợ xấu báo cáo + các khoản vay chờ xử lý) tăng nhẹ lên 4,2% từ 4,1% trong Q2/2025 và 3,9% trong Q4/2024 - cao hơn một chút so với bình quân 6 quý ở mức 4,1% sau khi chạm đỉnh 4,7% vào Q4/2023. Nợ xấu mới hình thành (theo năm) tăng nhẹ lên 1,4% từ 0,5% trong Q2/2025, vẫn thấp hơn một chút so với bình quân 6 quý ở mức 1,6%.

Cơ cấu nợ xấu:

- Tỷ lệ nợ xấu báo cáo tăng nhẹ lên 3,6% từ 3,4%.
- Tỷ lệ nợ chờ xử lý giảm xuống 0,6% tổng dư nợ tín dụng từ 0,7% trong Q2/2025 và 0,8% trong Q4/2024. Tốc độ xử lý vẫn chưa tăng đáng kể.

Đáng chú ý, OCB không sử dụng dự phòng để xử lý nợ xấu trong quý này. Do đó, chi phí dự phòng đã giảm đáng kể 65% so với cùng kỳ. Do nợ xấu vẫn ở mức cao và nợ xấu mới hình thành chỉ cải thiện nhẹ, HSC tin rằng áp lực trích lập dự phòng vẫn hiện hữu và Ngân hàng nhiều khả năng sẽ tiếp tục quay lại trích lập để xử lý nợ xấu, làm sạch bảng CĐKT trong các quý tới.

Thu nhập ngoài lãi: Thu nhập từ thu hồi nợ xấu là động lực chính

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 123% so với mức nền thấp cùng kỳ. Động lực tăng trưởng đến từ thu nhập từ thu hồi nợ xấu (197 tỷ đồng, tăng 364% so với cùng kỳ). Hoạt động thu hồi nợ xấu của OCB đã duy trì đà tăng trưởng tốt trong 12 tháng qua, cho thấy khả năng thanh toán & xử lý tài sản đảm bảo cải thiện. Trong khi đó, các mảng kinh doanh khác khá ảm đạm: Lãi thuần HĐ dịch vụ giảm nhẹ 7% so với cùng kỳ, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối đi ngang so với cùng kỳ và HĐ mua bán trái phiếu tiếp tục lỗ, mặc dù mức lỗ đã thu hẹp đáng kể so với cùng kỳ và so với quý trước.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 11% trong 3 tháng qua, OCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1 lần, cao hơn 0,3 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 0,94 lần nhưng thấp hơn 28% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,39 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 14.600đ.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	18.1	18.0	20.8	25.6	31.4
Chi phí lãi	(11.4)	(9.35)	(11.8)	(14.7)	(18.2)
Thu nhập lãi thuần	6.77	8.61	8.99	10.9	13.1
Lãi thuần HĐ dịch vụ	0.88	0.93	1.12	1.28	1.51
Lãi thuần HĐ KDNH	0.39	0.31	0.31	0.46	0.41
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.65	(0.19)	(0.11)	0.10	0.12
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	0.25	0.41	0.57	0.57	0.60
Tổng thu nhập HĐ	8.94	10.1	10.9	13.4	15.8
Chi phí HĐ	(3.17)	(3.80)	(4.19)	(4.96)	(5.72)
LN trước dự phòng	5.77	6.27	6.69	8.41	10.1
Chi phí dự phòng	(1.63)	(2.26)	(2.48)	(3.07)	(3.84)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	4.14	4.01	4.21	5.34	6.21
Chi phí thuế TNDN	(0.84)	(0.83)	(0.85)	(1.07)	(1.24)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	3.30	3.17	3.36	4.27	4.97
EPS (đồng)	1,240	1,192	1,262	1,604	1,866
DPS (đồng)	0	0	648	300	300
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,663	2,663	2,663	2,663	2,663
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,663	2,663	2,663	2,663	2,663
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,663	2,663	2,663	2,663	2,663

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	0.78	0.79	0.99	1.17	1.38
Tiền gửi tại NHNN	6.97	2.38	2.63	3.19	3.91
Tiền gửi tại các TCTD khác	33.9	39.1	40.0	39.7	43.0
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0.04	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	145	173	206	244	288
Tổng dư nợ cho vay	148	176	208	247	292
Dự phòng rủi ro	(2.51)	(2.59)	(2.79)	(3.16)	(3.62)
Chứng khoán đầu tư	40.3	52.6	65.2	76.1	89.0
CK đầu tư sẵn sàng để bán	40.3	52.6	65.2	76.2	89.1
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.04)	(0.05)	(0.05)	(0.05)	(0.06)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.55	0.63	0.66	0.66	0.66
Tài sản khác	12.3	11.9	14.0	16.3	19.2
Tổng tài sản	240	281	329	381	445
Nợ phải trả	212	249	296	344	405
Tiền gửi của NHNN	0.09	3.47	1.58	0.32	0.20
Tiền gửi của các TCTD khác	31.0	45.0	44.7	51.5	60.7
Tổng tiền gửi KH	126	142	175	212	260
Trái phiếu và CCTG	37.8	44.0	58.5	63.5	65.1
Nợ khác	12.3	7.79	9.57	10.0	11.9
Vốn chủ sở hữu	28.5	31.7	33.2	36.7	40.9
Vốn điều lệ	20.5	24.7	26.6	26.6	26.6
Thặng dư vốn cổ phần	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
Lợi nhuận giữ lại	5.35	3.74	3.37	6.84	11.0
Quỹ & vốn khác của CSH	2.59	3.22	3.19	3.19	3.19
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	240	281	329	381	445
BVPS (đồng)	10,715	11,893	12,483	13,786	15,353

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	23.8	16.9	17.2	15.7	17.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	23.3	19.1	18.4	18.4	18.3
Tăng trưởng huy động KH (%)	23.2	13.1	23.1	21.1	22.6
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	22.0	13.9	25.4	18.0	18.0
Tăng trưởng VCSH (%)	12.9	11.0	4.96	10.4	11.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	(2.62)	27.2	4.49	21.8	20.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	3.08	19.9	10.2	18.4	15.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	5.68	8.65	6.84	25.6	19.6
Tăng trưởng LNTT (%)	(5.69)	(3.22)	5.11	26.8	16.4
Tăng trưởng LN thuần (%)	(5.88)	(3.91)	5.86	27.1	16.4

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.12	3.87	3.57	3.77	3.82
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.46)	(1.46)	(1.38)	(1.40)	(1.38)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.4	95.8	96.1	96.1	96.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.31	1.43	1.41	1.73	2.04
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	20.9	18.1	17.5	22.2	25.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	10.5	10.9	10.3	8.11	6.97
P/B (lần)	1.21	1.09	1.04	0.94	0.85
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	4.99	2.31	2.31

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	37.0	31.5	30.9	31.9	31.5
ROAA (%)	1.52	1.22	1.10	1.20	1.20
ROAE (%)	12.3	10.5	10.4	12.2	12.8
Chi phí huy động BQ (%)	6.41	4.35	4.58	4.83	5.10
Lợi suất góp BQ (%)	8.85	7.20	7.10	7.52	7.90
Lợi suất thuần (%)	2.43	2.85	2.51	2.69	2.80
Tỷ lệ NIM (%)	3.30	3.45	3.07	3.21	3.31
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.87	9.25	10.3	9.58	9.59
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.7	85.5	82.6	81.9	83.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.4	5.28	7.07	8.51	7.13
Tỷ lệ CIR (%)	35.5	37.8	38.5	37.1	36.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	51.4	18.7	16.1

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	13.3	12.3	11.0	10.9	10.4
VCSH/Tổng TS (%)	11.9	11.3	10.1	9.65	9.18
Đòn bẩy vốn (lần)	8.41	8.86	9.90	10.4	10.9

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	5.12	4.16	3.60	3.30	2.90
Hệ số LLR (%)	33.2	35.3	37.1	38.8	42.7

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	123	119	116	112
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	15.9	19.4	16.0	15.7	15.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	61.5	62.7	63.3	64.8	65.5

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	158	175	192	192	192
Số lượng nhân viên	6,822	7,026	7,728	7,728	7,728

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn